

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN MUỐI VÀ NÔNG SẢN MIỀN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

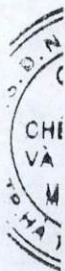
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

---

Tháng 02 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Muối và Nông sản Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Trung Kiên  
Ông Hồ Văn Nhạc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm 27 tháng 6 năm 2023)  
Phụ trách Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm 27 tháng 6 năm 2023)  
Ủy viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)  
Ủy viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)  
Ủy viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)

Ông Phạm Thanh Chương  
Ông Hồ Văn Giáp

**Ban Giám đốc**

Ông Hồ Văn Nhạc  
Ông Phạm Trung Kiên

Giám đốc Công ty  
Phó Giám đốc (Miễn nhiệm 27 tháng 6 năm 2023)

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Văn Nhạc - Giám đốc kiêm Ủy viên Hội đồng Quản trị.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

325  
CÔ  
T  
IÊN  
V  
H

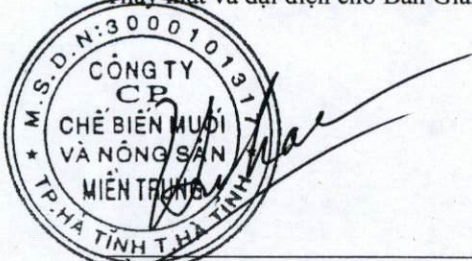
30  
ON  
C  
BIÊN  
T  
NH

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Văn Nhạc  
Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 02 năm 2024

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 137... quyển số: 01...-SCT/BS

**20-10-2025**



**Tê Văn Chuẩn**

Số: 026 /VACO/BCKIT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế biến Muối và Nông sản Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Muối và Nông sản Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một số khoản nợ phải thu khó đòi với số dư và giá trị trích lập dự phòng, cụ thể như sau: Phải thu khách hàng số dư là 1.000.220.864 VND (số đã trích lập dự phòng là 929.250.001 VND); phải thu về cho vay số dư là 296.536.599 VND (số đã trích lập dự phòng là 296.536.599 VND), phải thu khác số dư là 3.072.696.920 VND (số đã trích lập dự phòng là 54.952.385 VND), trả trước cho người bán số dư là 230.000.000 VND (số đã trích lập dự phòng là 230.000.000 VND). Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ cho các khoản nợ phải thu quá hạn nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ của các khoản công nợ này. Các thủ tục kiểm toán thay thế đã thực hiện, nhưng chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng đánh giá tính đầy đủ và giá trị cũng như khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu nêu trên và ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính kết thúc năm tài chính 31/12/2023.

Giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoảng 667 triệu đồng. Chúng tôi không thể thu thập được bằng các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để xác định được giá trị thuần của các hàng tồn kho nêu trên. Do đó, chúng tôi không xác định được giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập (nếu có) và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty ghi giảm chi phí bán hàng tương ứng với giá trị hao mòn lũy kế của tài sản hữu hình, chi tiết “Công trình tháo dỡ đầu tư mặt bằng tòa nhà văn phòng, tường rào Thạch Hạ” với số tiền là 424.653.759 VND. Nguyên giá của tài sản cố định này được ghi tăng năm 2016 với tổng giá trị là 943.675.090 VND (trong đó bao gồm: Nhà văn phòng, bờ rào giá trị là 351.505.000 VND và chi phí tháo dỡ, san lấp mặt bằng là 592.170.090 VND). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc ghi giảm nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu liên quan đến các chỉ tiêu hao mòn lũy kế, chi phí bán hàng, lợi nhuận kế toán trước thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán số 25/2023/BCKT-AVI-TC1 đề ngày 27 tháng 02 năm 2023 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng công nợ phải thu khó đòi và chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho chậm luân chuyển.



Nguyễn Đức Tiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Thị Huyền  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 331...quyển số...41.....-SCT/BS

20-10-2025



Le Văn Chuẩn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>9.280.359.596</b>	<b>9.389.343.659</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>684.697.993</b>	<b>151.907.720</b>
1. Tiền	111		684.697.993	151.907.720
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.055.452.312</b>	<b>4.960.759.511</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.663.403.183	2.717.308.951
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	239.415.920	230.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	296.536.599	296.536.599
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.366.835.595	3.113.557.102
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.510.738.985)	(1.396.643.141)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.455.555.663</b>	<b>4.268.578.748</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	4.455.555.663	4.268.578.748
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>84.653.628</b>	<b>8.097.680</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	18.592.483	7.860.260
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		66.061.145	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	15	-	237.420
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.885.951.190</b>	<b>4.942.583.688</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.918.282.155</b>	<b>4.585.168.268</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.918.282.155	4.585.168.268
- Nguyên giá	222		11.813.150.109	10.959.689.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.894.867.954)	(6.374.521.322)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>745.143.366</b>	<b>52.895.782</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	745.143.366	52.895.782
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>222.525.669</b>	<b>304.519.638</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	222.525.669	304.519.638
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>16.166.310.786</b>	<b>14.331.927.347</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.459.855.933</b>	<b>7.284.734.646</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.459.855.933</b>	<b>7.284.734.646</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	473.971.736	895.770.432
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.179.464	7.185.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	16.854.279	5.208.754
4. Phải trả người lao động	314		370.994.784	99.927.400
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	77.755.194	52.988.454
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	7.504.614.747	6.219.518.877
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.485.729	4.135.729
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.706.454.853</b>	<b>7.047.192.701</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>7.706.454.853</b>	<b>7.047.192.701</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.080.500.000	7.080.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		38.100.000	38.100.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		499.916.311	499.916.311
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(210.128.182)	(869.390.334)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(869.390.334)	(1.604.021.842)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		659.262.152	734.631.508
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		298.066.724	298.066.724
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>16.166.310.786</b>	<b>14.331.927.347</b>

  
Chu Thị Hằng  
Người lập biểu  
Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 02 năm 2024

  
Chu Thị Hằng  
Kế toán trưởng  
Số chứng thực: 1329... quyền số: 01...-SCT/BS

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHẾ BIẾN MUỐI  
VÀ NÔNG SẢN  
MIỀN TRUNG  
TP. HÀ TĨNH T. HÀ TĨNH

Hồ Văn Nhạc  
Giám đốc

20-10-2025

  
CHỦ TỊCH UBND XÃ  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	34.990.610.129	67.119.775.530
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.267.000	39.221.616
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	34.981.343.129	67.080.553.914
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	20	31.620.528.959	63.451.131.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.360.814.170	3.629.422.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	137.519.576	8.176.122
7. Chi phí tài chính	22	22	534.909.155	530.367.537
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		534.909.155	530.367.537
8. Chi phí bán hàng	25	23	901.604.263	1.095.415.492
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.381.108.242	1.376.521.764
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		680.712.086	635.294.085
11. Thu nhập khác	31		11.580.442	99.998.280
12. Chi phí khác	32		16.176.097	660.857
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4.595.655)	99.337.423
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		676.116.431	734.631.508
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	16.854.279	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		659.262.152	734.631.508

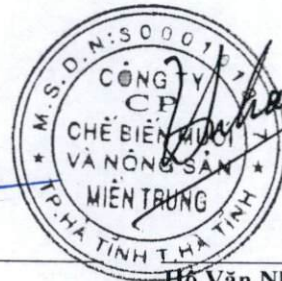
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 15410...quyển số.....d-SCT/BS

20-10-2025



Chu Thị Hằng  
Người lập biểu  
Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 02 năm 2024

Chu Thị Hằng  
Kế toán trưởng  
Đỗ Văn Chuẩn



Hồ Văn Nhạc  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	676.116.431	734.631.508
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	126.479.907	582.762.206
Các khoản dự phòng	03	114.095.844	-
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(307.946)	(488.808)
Chi phí lãi vay	06	534.909.155	530.367.537
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08	1.451.293.391	1.847.272.443
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	730.127.885	4.392.912.261
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(186.976.915)	67.050.636
Tăng/giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.500.136.239)	(5.550.183.301)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	71.261.746	132.027.381
Tiền lãi vay đã trả	14	(533.636.278)	(527.851.795)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	41.000.000	23.150.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(39.650.000)	(50.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33.283.590	334.027.625
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(785.897.133)	(1.025.091.195)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	307.946	488.808
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(785.589.187)	(1.024.602.387)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16.165.552.697	23.875.545.741
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.880.456.827)	(23.120.935.264)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.285.095.870	754.610.477
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	532.790.273	64.035.715
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	151.907.720	87.872.005
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	684.697.993	151.907.720

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 154/.....quyển số...../CT/BS

20-10-2025

Chu Thị Hằng  
Người lập biểu

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 02 năm 2024

Chu Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Hồ Văn Nhạ  
Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế biến Muối và Nông sản Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3000101317 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2004; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 03 năm 2020. Vốn điều lệ của Công ty là 7.080.500.000 VND (tương đương với 70.805.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 26 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 34 người).

**Ngành nghề kinh doanh**

Kinh doanh lương thực, nông, lâm, hải sản, vật tư nông nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND). Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Theo quy định của Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Phải thu từ cho vay

Phản ánh các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) tại thời điểm báo cáo. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại lại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng các khoản cho vay được trích lập tương tự dự phòng phải thu khó đòi.

11/3  
CC  
HỆ  
ẢNH  
MIẾ  
TIA

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được kê khai theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Thời gian hữu dụng ước tính (Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 - 10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty được phân phối theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

11/4/14  
K  
11/4/14  
HỒI  
SẢN  
V.G  
11/4/14

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách bên liên quan trong năm của Công ty là:

#### Bên liên quan

Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc  
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu Lương thực Đồng Tháp - Tổng  
Công ty Lương thực Miền Bắc  
Công ty Cổ phần Muối Việt Nam  
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

#### Mối quan hệ

Công ty mẹ  
Đơn vị trực thuộc  
công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Ban lãnh đạo Công ty

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	361.953.299	60.875.862
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	322.744.694	91.031.858
<b>Cộng</b>	<b>684.697.993</b>	<b>151.907.720</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
HANBANDO Hàn Quốc	469.235.566	469.235.566
Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Bắc Giang	341.264.000	341.264.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Nghệ An	202.650.000	88.350.000
Công ty TNHH muối Lam Sơn	-	595.945.800
Các đối tượng khác	650.253.617	1.222.513.585
<b>Cộng</b>	<b>1.663.403.183</b>	<b>2.717.308.951</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật và Xây dựng Hà Tĩnh	180.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần HAN ARCHI Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Các đối tượng khác	9.415.920	-
<b>Cộng</b>	<b>239.415.920</b>	<b>230.000.000</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ông Nguyễn Tuấn Đức	174.239.299	174.239.299
Ông Nguyễn Văn Hiếu	122.297.300	122.297.300
<b>Cộng</b>	<b>296.536.599</b>	<b>296.536.599</b>

Khoản cho vay phát sinh từ nhiều năm trước, đã quá hạn thanh toán và khó thu hồi nên Công ty không ghi nhận tiền lãi phát sinh từ các khoản cho vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	269.075.675	-	32.442.000	-
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000	-	5.600.000	-
Ông Trương Bá Thiện (i)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Phải thu khác	92.159.920	(54.952.385)	75.515.102	(14.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>3.366.835.595</b>	<b>(54.952.385)</b>	<b>3.113.557.102</b>	<b>(14.000.000)</b>

**Ghi chú:**

- (i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước tiền hàng cho Công ty TNHH Long Thiên Nam theo UNC ngày 17/10/2019. Tại thời điểm này Ông Trương Bá Thiện là Giám đốc Công ty, Ông Thiện đã không báo cáo và xin ý kiến của cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty mà tự ý thực hiện. Thông qua các nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2020, Công ty đã quy trách nhiệm cá nhân và yêu cầu Ông Trương Bá Thiện hoàn trả khoản tạm ứng tiền hàng này.

Tại ngày 10/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Hà Tĩnh đã tạm giam và ra quyết định khởi tố Ông Trương Bá Thiện.

**9. NỢ XÁU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty HABANDO Hàn Quốc	469.235.566	-	469.235.566	-
Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Bắc Giang	341.264.000	-	341.264.000	-
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật và Xây dựng Hà Tĩnh	180.000.000	-	180.000.000	-
Nguyễn Tuấn Đức	174.239.299	-	-	-
Công ty TNHH Muối Lam Sơn	-	-	595.945.800	366.059.300
Các đối tượng khác	406.254.370	60.254.250	176.257.075	-
<b>Cộng</b>	<b>1.570.993.235</b>	<b>60.254.250</b>	<b>1.762.702.441</b>	<b>366.059.300</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.150.237.841	-	2.415.846.486	-
Công cụ, dụng cụ, bao bì	321.265.405	-	267.285.648	-
Thành phẩm	692.079.111	-	439.690.897	-
Hàng hoá	1.291.973.306	-	1.145.755.717	-
<b>Cộng</b>	<b>4.455.555.663</b>	<b>-</b>	<b>4.268.578.748</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>18.592.483</b>	<b>7.860.260</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.092.823	3.893.327
Chi phí sửa chữa tài sản	8.499.660	3.566.668
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	400.265
<b>b) Dài hạn</b>	<b>222.525.669</b>	<b>304.519.638</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	71.917.916	175.756.739
Chi phí sửa chữa	139.570.786	117.668.661
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.036.967	11.094.238

00  
NG  
CP  
IÊN  
NG  
IRI  
47

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>9.057.484.013</b>	<b>1.182.233.695</b>	<b>401.000.000</b>	<b>318.971.882</b>	<b>10.959.689.590</b>
Mua sắm mới trong năm	-	1.126.947.600	-	84.285.000	1.211.232.600
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	253.101.449	-	-	-	253.101.449
Thanh lý, nhượng bán	-	(183.000.000)	-	-	(183.000.000)
Giảm do tài sản không còn	(427.873.530)	-	-	-	(427.873.530)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>8.882.711.932</b>	<b>2.126.181.295</b>	<b>401.000.000</b>	<b>403.256.882</b>	<b>11.813.150.109</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>5.187.820.122</b>	<b>509.979.342</b>	<b>318.971.882</b>	<b>357.749.976</b>	<b>6.374.521.322</b>
Khấu hao trong năm	377.719.314	138.791.700	34.599.996	22.657	551.133.667
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	(178.666.686)	-	-	(178.666.686)
Giảm do tài sản không còn	(427.466.590)	-	-	-	(427.466.590)
Giảm khác (i)	(424.653.759)	-	-	-	(424.653.759)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.713.419.087</b>	<b>470.104.356</b>	<b>353.571.878</b>	<b>357.772.633</b>	<b>5.894.867.954</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>3.869.663.891</b>	<b>672.254.353</b>	<b>82.028.118</b>	<b>(38.778.094)</b>	<b>4.585.168.268</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.169.292.845</b>	<b>1.656.076.939</b>	<b>47.428.122</b>	<b>45.484.249</b>	<b>5.918.282.155</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.559.476.001 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.551.226.978 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem đi cầm cố, thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.225.679.217 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.876.386.391 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

- (i) Trong năm, Công ty ghi giảm chi phí khấu hao lũy kế của công trình tháo dỡ đầu tư mặt bằng nhà văn phòng, tường rào Thạch Hạ với số tiền là 424.246.818 VND, nguyên giá của tài sản là 943.675.090 VND.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí sửa chữa Văn phòng công ty	528.036.689	52.895.782
Chi phí sửa chữa kho Thạch Hà	136.222.054	-
Chi phí sửa chữa kho Kỳ Anh	80.884.623	-
<b>Cộng</b>	<b>745.143.366</b>	<b>52.895.782</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Muối tỉnh Trung Quốc	200.340.000	200.340.000	200.340.000	200.340.000
Công ty TNHH Minh Anh	95.203.000	95.203.000	-	-
Nguyễn Thành Phúc	80.600.000	80.600.000	-	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	44.000.000	44.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	-	-	186.125.311	186.125.311
Công ty Cổ phần muối và Thương mại Nam Định	-	-	136.172.000	136.172.000
Công ty Cổ phần XNK Bao bì nghệ An	-	-	123.006.543	123.006.543
Các đối tượng khác	53.828.736	53.828.736	250.126.578	250.126.578
<b>Cộng</b>	<b>473.971.736</b>	<b>473.971.736</b>	<b>895.770.432</b>	<b>895.770.432</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	5.208.754	76.586.757	81.795.511	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	866.154.100	866.154.100	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	16.854.279	-	16.854.279
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	140.335.004	140.335.004	-
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.208.754</b>	<b>1.101.930.140</b>	<b>1.090.284.615</b>	<b>16.854.279</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	237.420	237.420	-	-
<b>Cộng</b>	<b>237.420</b>	<b>237.420</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>7.504.614.747</b>	<b>7.504.614.747</b>	<b>16.165.552.697</b>	<b>14.880.456.827</b>	<b>6.219.518.877</b>	<b>6.219.518.877</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (i)	7.448.453.918	7.448.453.918	16.153.225.710	14.877.456.827	6.172.685.035	6.172.685.035
Vay cá nhân (ii)	56.160.829	56.160.829	12.326.987	3.000.000	46.833.842	46.833.842

**Ghi chú:**

- (i) Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các hợp đồng vay với mục đích thanh toán tiền mua muối phục vụ sản xuất kinh doanh và nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh hàng nội thất. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp các hợp đồng vay là giá trị quyền sử dụng đất trả tiền hàng năm và tài sản gắn liền trên đất tại xưởng sản xuất muối Thạch Hà, tại Xưởng sản xuất muối Kỳ Anh, tại văn phòng Công ty và tại địa điểm đất thuộc thị trấn Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- (ii) Các khoản huy động vốn của cán bộ công nhân viên trong Công ty với thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm, lãi suất 1%/tháng (30 ngày).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31.645.795	-
Nhận ký quỹ, ký cược	-	30.000.000
Lãi vay phải trả	9.161.649	7.888.772
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.947.750	15.099.682
<b>Cộng</b>	<b>77.755.194</b>	<b>52.988.454</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	7.080.500.000	38.100.000	499.916.311	(1.604.021.842)	298.066.724	6.312.561.193
Lãi trong năm	-	-	-	734.631.508	-	734.631.508
Số dư đầu năm nay	7.080.500.000	38.100.000	499.916.311	(869.390.334)	298.066.724	7.047.192.701
Lãi trong năm	-	-	-	659.262.152	-	659.262.152
Số dư cuối năm nay	7.080.500.000	38.100.000	499.916.311	(210.128.182)	298.066.724	7.706.454.853

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	3.682.000.000	3.682.000.000
Ông Hồ Văn Nhạc	1.732.500.000	1.732.500.000
Các cổ đông khác	1.666.000.000	1.666.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.080.500.000</b>	<b>7.080.500.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7.080.500.000	7.080.500.000
- Vốn góp đầu năm	7.080.500.000	7.080.500.000
- Vốn góp cuối năm	7.080.500.000	7.080.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	708.050	708.050
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	708.050	708.050
- Cổ phiếu phổ thông	708.050	708.050
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	708.050	708.050
- Cổ phiếu phổ thông	708.050	708.050
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	873.546.438	947.190.349
Chi phí vật liệu quản lý	83.389.203	76.453.323
Chi phí khấu hao TSCĐ	125.602.108	141.307.368
Thuế, phí lệ phí	13.696.091	13.450.960
Chi phí dự phòng	114.095.844	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.258.568	167.449.002
Chi phí khác bằng tiền	6.519.990	30.670.762
<b>Cộng</b>	<b>1.381.108.242</b>	<b>1.376.521.764</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	790.859.638	557.838.707
Chi phí vật liệu, bao bì	77.380.890	127.410.701
Chi phí khấu hao TSCĐ	(324.595.094)	38.990.299
Thuế, phí và lệ phí	137.209.790	11.908.140
Chi phí bằng tiền khác	220.749.039	359.267.645
<b>Cộng</b>	<b>901.604.263</b>	<b>1.095.415.492</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.164.698.769	7.761.185.699
Chi phí nhân công	2.741.361.766	2.497.286.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.479.907	582.762.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	550.846.413	334.288.836
Chi phí khác bằng tiền	420.818.355	699.709.644
<b>Cộng</b>	<b>11.004.205.210</b>	<b>11.875.233.352</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>676.116.431</b>	<b>734.631.508</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	16.176.097	660.857
Các khoản điều chỉnh tăng:	16.176.097	660.857
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác</i>	<i>16.176.097</i>	<i>660.857</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>692.292.528</b>	<b>735.292.365</b>
Lỗ được kết chuyển	608.021.132	735.292.365
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>84.271.396</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>16.854.279</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>16.854.279</b>	<b>-</b>

Trong năm, Công ty xác định thu nhập chịu thuế không có sự khác biệt với lợi nhuận trước thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tình hình chuyển lỗ của Công ty theo bảng sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Tình trạng	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
2019	2020 - 2024	Đã quyết toán	1.564.150.646	1.564.150.646	-
<b>Cộng</b>			<b>1.564.150.646</b>	<b>1.564.150.646</b>	<b>-</b>

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Mua hàng</b>	<b>336.350.000</b>	<b>8.647.999.500</b>
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu Lương thực Đồng Tháp - Tổng công ty Lương thực Miền Bắc Công ty Cổ phần Muối Việt Nam	- 336.350.000	8.550.507.000 97.492.500
<b>Trả tiền mua hàng</b>	<b>336.350.000</b>	<b>8.647.999.500</b>
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu Lương thực Đồng Tháp - Tổng công ty Lương thực Miền Bắc Công ty Cổ phần Muối Việt Nam	- 336.350.000	8.550.507.000 97.492.500
<b>Bán hàng</b>	<b>12.801.470.000</b>	<b>26.747.404.500</b>
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	12.801.470.000	26.747.404.500
<b>Thu tiền bán hàng</b>	<b>12.801.470.000</b>	<b>31.299.224.500</b>
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	12.801.470.000	31.299.224.500

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	463.690.142	406.920.945
<b>Cộng</b>	<b>463.690.142</b>	<b>406.920.945</b>

**27. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Công văn số 1053/TCTLTMB-HĐTV của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc phổ biến, quán triệt các mục tiêu và nội dung của đề án cơ cấu lại Tổng Công ty giai đoạn đến hết năm 2025 thì Công ty thuộc nhóm doanh nghiệp mà Tổng Công ty có kế hoạch thực hiện thoái vốn toàn bộ 100% vốn góp của Tổng Công ty.

20-10-2025

Chu Thị Hằng  
Người lập biểu  
Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 02 năm 2024

Chu Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Hồ Văn Nhạ  
Giám đốc

Hồ Văn Chuẩn

